

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hoa

Ông Trần Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Lê Thị X – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Khối Y, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn K, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Khối Y, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại: Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy trình bày:*

Chị và anh Trần Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 29

tháng 6 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh K đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa liên bang Đức. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, nhưng về sau do mâu thuẫn về kinh tế, anh K không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con, không gửi tiền về nuôi con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; dẫn đến vợ chồng không liên lạc với nhau và tình cảm dần mất đi. Hiện tại, chị Thủy xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn Tuấn A, sinh ngày 17/11/2006 và Trần Thị Hằng N, sinh ngày 03/02/2009. Hiện các con đang ở với chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và chị không yêu cầu anh Trần Văn K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị Thủy đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, nhưng do dịch bệnh hạn chế đi lại và cũng do điều kiện công việc nên chị không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Do đó, chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Trần Văn K, hiện đang ở ngoài nhưng không rõ địa chỉ.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Trần Văn K là ông Trần Văn K và bà Hà Thị X (bố, mẹ đẻ của anh K) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh K cũng không cung cấp địa chỉ của anh K ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, anh K cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Trần Văn K và bà Hà Thị X là bố, mẹ đẻ của anh K cho biết: Anh Trần Văn K là con đẻ của ông bà, hiện đang lao động ở Cộng hòa liên bang Đức, thỉnh thoảng có liên lạc về gia đình bằng điện thoại; nhưng anh K không nói rõ địa chỉ cư trú nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của anh K ở nước ngoài cho Tòa án được. Về phía gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông tin cho anh K biết việc chị Thủy nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án. Anh K không có văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Việc anh Trần Văn K vắng mặt được xác định là cố tình

giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy, cho chị Thủy được ly hôn với anh Trần Văn K. Về con chung: Đề nghị giao cho chị Thủy được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Văn Tuấn A, sinh ngày 17/11/2006 và Trần Thị Hằng N, sinh ngày 03/02/2009 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Thủy không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thủy không yêu cầu và anh K chưa có ý kiến nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thủy có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh K có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Trần Văn K không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Văn K vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, viết bản tự khai và nộp đầy đủ chứng cứ, tài liệu cho Tòa án nhưng do dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại và cũng do công việc nên chị không tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Thủy phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà chị đã nộp cho Tòa án. Anh Trần Văn K hiện đang ở nước ngoài nhưng không

rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K thông qua người thân là ông Trần Văn K và bà Hà Thị X (bố mẹ đẻ của anh K) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn “Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh K”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh K trình bày ý kiến của mình về việc chị Thủy có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh K cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh K cho Tòa án biết. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai thì ông Trần Văn K và bà Hà Thị X cho biết: Anh Trần Văn K là con đẻ của ông bà, hiện đang lao động ở Cộng hòa liên bang Đức, thỉnh thoảng có liên lạc về gia đình bằng điện thoại; nhưng anh K không nói rõ địa chỉ cư trú nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của anh K ở nước ngoài cho Tòa án được. Về phía gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông tin cho anh K biết việc chị Thủy nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án nhưng anh K không có ý kiến gì. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 23/9/2021, lần thứ hai vào ngày 08/10/2021 nhưng cả hai lần anh Trần Văn K đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Trần Văn K vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy và anh Trần Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 29 tháng 6 năm 2006, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh K đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa liên bang Đức. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, nhưng về sau do mâu thuẫn về kinh tế, anh K không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con, không gửi tiền về nuôi con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; dẫn đến vợ chồng không liên lạc với nhau và tình cảm dần mất đi. Theo công văn số 10114/QLXNC-P5 ngày 23/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cung cấp: Anh K đã xuất cảnh ngày 28/10/2018, qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nay, chị Thủy xác định tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thủy và anh Trần Văn K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Chị Nguyễn Thị Thủy yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thủy và anh Trần Văn K có 02 con chung. Hiện các con đang ở với chị Thủy và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị Thủy có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến lúc trưởng thành. Nguyện vọng của chị Thủy phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con và đúng quy định của pháp luật; vì hiện nay, chị Thủy đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, còn anh K đang ở nước ngoài và cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Thủy. Giao cho chị Thủy được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Văn Tuấn A, sinh ngày 17/11/2006 và Trần Thị Hằng N, sinh ngày 03/02/2009 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Nguyễn Thị Thủy không yêu cầu anh Trần Văn K phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thủy không yêu cầu và anh Trần Văn K chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thủy.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy được ly hôn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thủy được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Văn Tuấn A, sinh ngày 17/11/2006 và Trần Thị Hằng N, sinh ngày 03/02/2009 đến lúc các con đủ

18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Thủy không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này; dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004843 ngày 26/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị Thủy đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thủy có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Trần Văn K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường H, TP Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quỳnh**